

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 8 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Ngọc Anh
- Ông Phạm Thanh Đông

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Tú N, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: 8 N, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Tuấn A, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/6/2024, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/7/2024, nguyên đơn chị Phạm Tú N trình bày: Chị và anh Đặng Tuấn A có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/9/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chồng ở xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hiểu tính tình, anh Tuấn A không quan tâm chăm lo đến gia đình, vì vậy giữa vợ chồng xảy ra nhiều cãi vã. Đến đầu năm 2020, chị N sang nhà bố mẹ đẻ sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên vọng của chị N yêu cầu Tòa án

giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Đặng Tuấn A** vì vợ chồng không còn tình cảm và sớm ổn định cuộc sống bản thân. Về con chung: Chị **N** trình bày quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là **Đặng Nguyên Đ**, sinh ngày 19/3/2017. Sau khi ly hôn chị **N** có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh **Tuấn A** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/7/2024, chị **N** trình bày do điều kiện công việc nên chị không thể có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa và xin Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử vắng mặt chị **N**.

Tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/8/2024, bị đơn anh **Đặng Tuấn A** trình bày: Anh và chị **Phạm Tú N** có quá trình tìm hiểu tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình** vào ngày 04/9/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu tính tình nhau, không cùng suy nghĩ, bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng và tôn trọng nhau, tình trạng mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã; các bên đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh **Tuấn A** nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã căng thẳng nên đồng ý ly hôn với chị **N**. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là **Đặng Nguyên Đ**, sinh ngày 19/3/2017. Sau khi ly hôn anh **Tuấn A** có nguyện vọng giao cho chị **N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và anh **Tuấn A** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/8/2024, anh **Đặng Tuấn A** trình bày do điều kiện công việc nên anh không thể có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa và xin Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử vắng mặt anh **A**.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 29/7/2024, cháu **Đặng Nguyên Đ** trình bày mong muốn được ở với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Phạm Tú N** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh **Đặng Tuấn A**, cư trú tại **thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Phạm Tú N** và anh **Đặng Tuấn A** nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **Phạm Tú N** và anh **Đặng Tuấn A** theo quy định tại các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Tú N** và anh **Đặng Tuấn A** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình** vào ngày 04/9/2016; vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị **N** và anh **Tuấn A** hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị **N** và anh **Tuấn A** chung sống hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên trong thực tế đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Chị **N** và anh **Tuấn A** đều trình bày không còn tình cảm với nhau và mong muốn được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị **N** và anh **Tuấn A** đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cho chị **Phạm Tú N** được ly hôn với anh **Đặng Tuấn A** là phù hợp với Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị **N** và anh **Tuấn A** đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là **Đặng Nguyễn Đ**, sinh ngày 19/3/2017. Sau khi ly hôn chị **N** và anh **Tuấn A** đều thống nhất giao cháu **Đặng Nguyễn Đ** cho chị **N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh **Tuấn A** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Mặt khác tại đơn trình bày nguyện vọng, cháu **Đặng Nguyễn Đ** có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất cho con chung **Đặng Nguyễn Đ**, Hội đồng xét xử giao cháu **Đặng Nguyễn Đ** cho chị **N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và buộc anh **Tuấn A** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị **N** và anh **Tuấn A** đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Phạm Tú N** phải chịu nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh **Đặng Tuấn A** phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vắng mặt chị **Phạm Tú N** và anh **Đặng Tuấn A**.
2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Phạm Tú N** được ly hôn anh **Đặng Tuấn A**.
3. Về quan hệ con chung: Giao con chung **Đặng Nguyễn Đ**, sinh ngày 19/3/2017 cho chị **Phạm Tú N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh **Đặng Tuấn A**

có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **N** mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị **Phạm Tú N** phải chịu nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị **N** phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0002122 ngày 18/6/2024. Chị **N** đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh **Đặng Tuấn A** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Đông Tường Ngọc Anh

Nguyễn Ngọc Sơn

